TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 08/2018/DS-ST Ngày: 03-12-2018 *V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lương

Bà Trương Thị Quỳnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2018/TLST-DS ngày 07/10/2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐXXST-DS ngày 15/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thanh H;

Địa chỉ: Tổ 6, phường B, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hậu Đ; Địa chỉ: Tổ 4, phường B, thành phố Hà Tĩnh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2018) - Có mặt

2. Bị đơn: + Ông Nguyễn Bá L;

Địa chỉ: Số 36, đường Hà Tôn Mục, phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị N; Địa chỉ: Số 36, đường M, phường H, TP Hà Tĩnh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2018) - Có mặt

+ Bà Trương Thị N;

Địa chỉ: Số 36, đường M, phường H, TP Hà Tĩnh - Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Năm 2010 và 2011 bà Đặng Thị Thanh H cho vợ chồng ông Nguyễn Bá L và bà Trương Thị N vay tiền cụ thể như sau: Ngày 12/02/2010 vay 1.000.000.000đ, lãi suất 1.500đ/1.000.000đ/ngày; Ngày 30/7/2010 vay 700.000.000đ, lãi suất

1.500đ/1.000.000đ/ngày; Ngày 28/9/2011 vay 100.000.000đ, lãi suất 1.800đ/1.000.000đ/ngày; Ngày 07/10/2011 vay 800.000.000đ, lãi suất 2.000đ/1.000.000đ/ngày, đến ngày 13/10/2011 ông Long và bà Nguyệt trả cho bà Hà 720.000.000đ tiền gốc.

Tính đến ngày 13/10/2011 vợ chồng ông L bà N còn nợ 1.880.000.000đ tiền gốc. Tổng cộng ông L và bà N đã trả 1.386.780.000đ tiền lãi, trong đó có 50.000.000đ trả tiền vay vàng nên tiền lãi đã trả là 1.336.780.000đ. Quá trình bà Hà nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông L bà N không trả. Đơn khởi kiện ngày 28/9/2018 yêu cầu trả nợ gốc, ngày 15/10/2018 khởi kiện bổ sung yêu cầu ông L bà N trả 892.000.000đ tiền lãi (Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/11/2018). Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất cho vay trung bình của 4 ngân hàng thương mại trên địa bàn tại thời điểm xét xử.

Bà Trương Thị N thừa nhận số tiền vay, lãi suất và số tiền đã trả nguyên đơn trình bày. Tiền lãi từ năm 2011 trở về trước đã thanh toán hết. Năm 2012 do làm ăn khó khăn nên ông Trần H chồng chị H trao đổi với chúng tôi cho tiền lãi, chỉ lấy tiền gốc nên số tiền trên trừ vào tiền gốc, còn nợ 860.000.000đ nên không chấp nhận yêu cầu trả lãi. Nếu nguyên đơn yêu cầu trả lãi thì tính lãi từ thời điểm vay đến nay theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm thấp nhất của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp vay tài sản đối với bị đơn bà Trương Thị N và ông Nguyễn Bá L tại nơi cư trú của bị đơn theo điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Giao dịch dân sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật này để giải quyết.

[2] Về số tiền vay, số tiền trả nợ, giấy tờ vay, giấy tờ trả nợ các bên đương sự đều thừa nhận theo điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Về lãi suất vay, số tiền trả, dư nợ gốc: Bị đơn khai anh Hải cho lãi nhưng nguyên đơn không chấp nhận, bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở. Hiện nay tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại điều 406 Bộ luật dân sự năm 2005 trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ. Theo Công văn số 638/NHNN-HT14 ngày 27/11/2018 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh Hà Tĩnh thì từ ngày 03/3/2011 ngân hàng nhà nước không công bố lãi suất cơ bản mà chỉ quy định trần lãi suất, nên Tòa án căn cứ lãi suất cho vay có kỳ hạn trung

bình của 4 Ngân hàng thương mại trên địa bàn là 10,43%/năm để tính lãi suất. Tổng số tiền lãi kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 03/12/2018 là 1.664.610.855đ. Do số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.336.780.000đ không nói rõ là gốc hay lãi nên được tính trừ vào tiền lãi. Như vậy tiền lãi còn lại chưa trả là 327.830.855đ và tiền nợ gốc 1.880.000.000đ. Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.207.830.855đ. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp các điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 468, điểm c, d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Bá L và bà Trương Thị N phải trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh Hà số tiền gốc và lãi tổng cộng là 2.207.830.855 đồng.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Bá L và bà Trương Thị N phải chịu 76.156.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đặng Thị Thanh H 36.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số 0001050 ngày 03/10/2018 và 0001066 ngày 18/10/2018.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Đức Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Duy Cừ **Nguyễn Đức Công** **Trần Đức Chính**